TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ THỌ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **53**/2021/QĐST-HNGĐ	*Thị xã Phú Thọ, ngµy 20 th¸ng 5 n¨m 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬNCỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 43/2021/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1988.

Bị đơn Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1984.

Đều có địa chỉ: Khu 5, xã P, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2021là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị T.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

VÒ con chung: Anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị T đều xác nhận có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Như H, sinh ngày 05/5/2017 và cháu Nguyễn Anh M, sinh ngày 13/4/2019. Ly hôn hai bên tự nguyện thỏa thuận, anh N trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Như H và cháu Nguyễn Anh M, kể từ tháng 5/2021cho đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động tự túc được.

Chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh N, vì anh N không yêu cầu.

Anh N và chị T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, Công nợ và công sức đóng góp: Anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị T đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên tòa án không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn N tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002683 ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ. Hoàn trả lại cho anh N 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND TX.Phú Thọ;*
- *Chịcục THA dân sự;*
- *UBND xã Phú Hộ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Trần Hưng Thủy